TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452 /2021/DS-PT
Ngày: 30/11/2021.
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy
Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 629/2020/TLPT-DS ngày 31/12/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML4, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 381/2021/QĐ-PT ngày 15/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **NXD1**, sinh năm 1957. *Có mặt.*
Địa chỉ: Khu 11, thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, TP.Hà Nội

Bị đơn: Ông **TVT5**, sinh năm 1961. *Có mặt.*
Địa chỉ: Khu 11, thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, TP.Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **TTH6**, sinh năm 1964 (vợ ông T5); *Xin vắng mặt.*
2. Anh **TAT7**, sinh năm 1986 (con trai ông T5, bà H6); *Có mặt.*
3. Chị **HTH8**, sinh năm 1988 (vợ anh T7); *Xin vắng mặt.*
4. Anh **TMC9**, sinh năm 1989 (con trai ông T5, bà H6); *Có mặt.*
5. Chị **LTL10**, sinh năm 1990 (vợ anh C9); *Xin vắng mặt.*
6. Chị **TTHM11**, sinh năm 1992; (con gái ông T5, bà H6); *Vắng mặt.*
7. Ông **TVL12**, sinh năm 1964 (em trai ông T5); *Vắng mặt.*
8. Bà **HTM13**, sinh năm 1963(vợ ông L12); *Vắng mặt.*
9. Anh **TVT14**, sinh năm 1993 (con trai ông L12, bà M13); *Vắng mặt.*
10. Chị **TTM15**, sinh năm 1999 (con trai ông L12, bà M13); *Vắng mặt.*
11. Bà **TTT16**, sinh năm 1956 (chị gái ông L12); *Xin vắng mặt.*
12. Ông **TVT17**, sinh năm 1970 (em trai ông T5); *Vắng mặt.*

13. Bà **NTC18**, sinh năm 1971 (vợ ông T17); *Xin vắng mặt.*
14. Anh **TVQ19**, sinh năm 1991(con trai ông T17, bà C18); *Xin vắng mặt.*
15.Chị **LTHA20**, sinh năm 1995 (vợ anh Q19); *Xin vắng mặt.*
16. Anh **TQC21**, sinh năm 1997 (con trai ông T17, bà C18); *Xin vắng mặt.*
17. Bà **NTN22**, sinh năm 1959 (vợ ông D1); *Xin vắng mặt.*
18. Anh **NXH23**, sinh năm 1984 (con trai ông D1, bà N22); *Có mặt.*
19. Chị **PTVH24**, sinh năm 1988 (vợ anh H23); *Xin vắng mặt.*
20. Chị **NTTN25**, sinh năm 1989 (con gái ông D1, bà N22); *Xin vắng mặt.*
21. Bà **TTL26**, sinh năm 1967 (em gái ông T5) *Xin vắng mặt.*
Cùng trú tại: Khu11, thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, Hà Nội.
22. Bà **TTT27**, sinh năm 1959 (chị gái ông T5); *Vắng mặt.*
Trú tại: khu 10, thôn TM28, xã HT29, thị xã PT30, tỉnh PT30.
23. **UBND huyện ML4**. *Vắng mặt.*

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông NXD1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông NXD1 trình bày:

Gia đình ông D1 với gia đình ông T5 là hàng xóm liền kề. Về nguồn gốc đất của gia đình nhà ông D1 là của ông cha để lại. Tại thửa số 189, tờ bản đồ 41, diện tích 339,1m2, đất này đã được UBND huyện ML4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 463366, số vào sổ cấp GCN: CH00751 ngày 30/12/2011 mang tên hộ ông NXD1 tại địa chỉ: khu 11, thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, TP.Hà Nội. (Bản đồ đo đạc năm 2006).Trên đất gia đình ông D1 đã xây dựng nhà kiên cố và các công trình phụ. Trước kia ông D1 đi công tác xa nhà thỉnh thoảng mới về, ranh giới đất giữa gia đình ông và gia đình ông T5 được xác định bởi hàng rào cây mây và cây duối do nhà ông D1 trồng. Khoảng năm 1988, bố ông T5 xây nhà cấp bốn đã chặt hàng rào mây của nhà ông đi để xây cho đỡ vướng. Vị trí nhà cấp 4 đó không lấn sang đất của nhà ông D1, phần đầu hồi nhà giáp đất nhà ông Lượng là đã xây hết đất liền kề với nhà ông D1 còn phần đầu hồi nhà giáp với chuồng lợn còn khoảng nửa mét.

Năm 2017, gia đình ông T5 có xây tường rào ngăn đất và công trình phụ, ông D1 cho rằng ông T5 đã xây sang phần đất của nhà ông khoảng 7m^2 nên đã có đơn đề nghị UBND xã LM3 giải quyết, UB hòa giải nhưng ông T5 không nhất trí. Chính vì vậy ông D1 đã có đơn khởi kiện tại TAND huyện ML4 đề nghị Tòa án buộc gia đình ông T5 phải trả lại đất cho gia đình ông. Đất của gia đình Diệu đã được UBND huyện ML4 công nhận và cấp GCNQSDĐ năm 2011, diện tích 339m^2, tại sổ quản lý ruộng đất của UBND xã LM3 có DT 360m^2. Nhưng đo thực tế hiện nay DT đất của gia đình Diệu chỉ còn 330m^2, thiếu 9m^2 so với GCNQSD Đất chính là phần có tranh chấp giữa gia đình ông D1 với gia đình ông T5. Do vậy, ông đề nghị Tòa án buộc ông T5 phải trả lại đất cho gia đình ông diện tích 9m^2.

Bị đơn ông TVT5 trình bày:

Gia đình ông T5 với gia đình ông D1 là hàng xóm liền kề. Về nguồn gốc thửa đất của gia đình là do bố ông là TVK31 và mẹ NTQ32 để lại cho các con. Cụ K31 (mất năm 2004) và cụ Q32 (mất 2009) có 6 người con: TTT16, TTT27, TVT5, TVL12, TTL26, TVT17. Bố mẹ ông T5 mất không để lại di chúc, tài sản là đất và nhà chưa chia thừa kế cho các con và cũng chưa được UBND huyện ML4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí đất của gia đình ông T5 tại thửa 176, tờ bản đồ số 01, diện tích 548m^2 mang tên TVT5 và thửa 177, tờ bản đồ số 01, diện tích 555m^2 mang tên Nguyễn Thị Tý. (Đo đạc năm 1986). Trên đất hiện nay có 4 anh em nhà ông T5 đang ở gồm TTT16, TVT5, TVL12, TVT17. Trên đất ông T5 đã xây nhà cho 2 con trai TAT7 và TMC9. Ông Lượng đã xây 01 nhà cấp 4 và 01 nhà 3 tầng, ông T17 xây 02 nhà cho con trai TVQ19 và Tạ Văn Cơ. Bà Thân đang ở nhà cấp 4. Vị trí đất tranh chấp giáp với nhà ông D1 và phần đất của nhà bà Thân đang ở.

Ranh giới đất giữa nhà ông T5 và nhà ông D1 trước kia do nhà ông D1 trồng cây mây và cây duối, sau này nhà ông D1 phá đi xây hàng rào gạch.

Do nền đất nhà Trọng thấp hơn nhà ông D1, nhà ông D1 chăn nuôi gà vịt nên nước thải và nước mưa chảy sang gây ẩm tường nhà cấp 4 bà Thân đang ở. Năm 2017, gia đình ông T5 xây hàng rào để ngăn không cho nước bên nhà ông D1 chảy sang, vị trí xây dựng ông T5 xây trong phần đất của gia đình chứ không xây sang đất của nhà ông D1. Bởi vì trước kia từ thời bố mẹ ông còn sống, chuồng lợn của nhà ông giáp với đất nhà ông D1 và đã có từ rất lâu, hiện nay chân móng cũ vẫn còn và ông T5 xây đúng với móng chuồng lợn cũ và kéo dài giáp với tường nhà ông Lượng chứ không xây lấn sang đất của nhà ông D1 nên ông T5 khẳng định không lấn sang đất nhà ông D1. Việc ông D1 có đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông T5 tại TAND huyện ML4 buộc gia đình ông T5 phải trả lại đất cho nhà ông D1 7m^2, gia đình ông T5 không nhất trí. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, nếu nhà ông T5 lấn đất sang nhà ông D1 thì ông sẽ trả lại, trường hợp nhà ông D1 lấn sang đất nhà ông T5 thì ông cũng không yêu cầu ông D1 phải trả lại. Ông T5 chỉ lấy từ mốc giới hàng rào đã xây như hiện trạng Tòa đã xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NTN22, anh NXH23, chị PTVH24 thống nhất với lời trình bày của ông NXD1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTH6, anh TAT7, chị HTH8, anh TMC9, chị LTL10, chị TTHM11, ông TVL12, bà HTM13, anh TVT14, anh Tạ Văn Mạnh, chị TTM15, bà TTT16, ông TVT17, bà NTC18, anh TVQ19, chị LTHA20, anh TQC21, bà TTH6, chị NTTN25, bà TTL26, bà TTT27 thống nhất với lời trình bày của ông Tạ Văn Trọng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện ML4 do ông Phạm Minh Giáp là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 20/11/2011, ông NXD1 có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ số 41, diện tích 339,1m^2, mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn. Ngày 19/12/2011,

UBND xã LM3 có tờ trình số 179/TTr-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 64 thửa trong đó có thửa số 189, tờ bản đồ số 41, diện tích 339,1m^2.

Ngày 29/12/2011, Văn phòng đăng ký đất và nhà, Phòng tài nguyên và môi trường có tờ trình số 257/TTr-VPĐN về việc cấp GCNQSD đất cho 69 hộ gia đình cá nhân tại xã LM3, huyện ML4.

Ngày 30/12/2011, UBND huyện ban hành quyết định số 10194/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho 69 thửa đất tại xã LM3 trong đó có thửa số 189, tờ bản đồ 41, diện tích 339,1m^2 và cấp GCNQSD đất số seri BI 463336 mang tên ông NXD1. Do vậy việc cấp GCNQSD đất cho ông D1 là đúng theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML4 đã quyết định:

1. Bác đơn khởi kiện của ông NXD1 đối với ông TVT5 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 8m^2 theo chỉ giới L,S,T,U,L (có sơ đồ kèm theo).

2. Kiến nghị UBND huyện ML4, thành phố Hà Nội điều chỉnh diện tích đất có diện tích 8m^2 theo chỉ giới L,S,T,U,L thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông TVT5. Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 463336; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00751 ngày 30/12/2011 đã cấp cho hộ ông NXD1. Địa chỉ: Thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông NXD1 là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xem xét giải quyết và trả lại sự công bằng cho những người dân có đất, cụ thể: yêu cầu người lấn đất trả lại 7m^2 đất bị lấn chiếm cho gia đình ông và yêu cầu Nhà nước thu hồi lại phần đất bị lấn chiếm sau nhiều năm không thu được thuế.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên các yêu cầu và trình bày của mình, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và thư ký Tòa án tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của ông NXD1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ML4, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về tố tụng: kháng cáo của ông NXD1 đối với bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân huyện ML4, thành phố Hà Nội trong thời hạn và đã thực hiện theo quy định của pháp luật là hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông NXD1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc đất của gia đình nhà ông Nguyên Xuân Diệu là của ông cha để lại. Tại thửa số 189, tờ bản đồ 41, diện tích 339,1m^2, Đất này đã được UBND huyện ML4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BI 463336, số vào sổ cấp GCN: CH00751 ngày 30/12/2011 mang tên hộ ông NXD1, tại địa chỉ: khu 11, thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, TP.Hà Nội (Bản đồ đo đạc năm 2006). Trên đất gia đình ông D1 đã xây dựng nhà kiên cố và các công trình trên đất sống ổn định từ đó tới nay.

Về nguồn gốc đất của gia đình ông TVT5 là của ông cha để lại tại thửa số 218, tờ bản đồ số 41, diện tích 583,3m^2 và thửa 164, tờ bản đồ 42, diện tích 476,m^2. Đất này chưa được UBND huyện ML4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông NXD1 cho rằng hiện nay gia đình ông bị thiếu khoảng 9m^2 đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện ML4 cấp, vị trí đất bị thiếu giáp với đất của nhà ông T5. Năm 2017, gia đình ông T5 xây tường bao đất và công trình phụ ông D1 đã yêu cầu gia đình ông T5 căng dây theo đúng mốc giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông T5 không đồng ý và đã xây lấn sang đất của nhà ông cụ thể phía đông là 0,52m, phía tây là 0,10m, dài 18m. Chính vì vậy ông D1 đã có đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông T5 trả lại 7m^2 quyền sử dụng đất cho nhà ông. Sau khi đo đạc thì ông D1 xác định yêu cầu gia đình ông T5 trả lại 9m^2 chứ không phải 7m^2 như đơn khởi kiện đã trình bày. Về phía gia đình ông T5 cho rằng không xây sang đất nhà ông D1, ông xây tường theo đúng chân móng chuồng lợn của gia đình và công trình phụ mà bố mẹ ông đã xây từ ngày xưa năm 1984 trở về trước. Ông T5 khẳng định không xây lấn sang đất nhà ông D1, việc gia đình ông D1 yêu cầu trả lại khoảng 9m^2 đất ông T5 không nhất trí.

Qua xác minh tại UBND xã LM3 và các tài liệu lưu giữ tại UBND xã: Tại sổ mục kê năm 1986 của thôn BM2, xã LM3 đất của gia đình ông NXD1 được thể hiện tại 03 thửa: Thửa 174, tờ bản đồ số 01 diện tích 360m^2(trong đó 200m^2 đất ở và 160m^2 đất vườn) chủ sử dụng NXD1; Thửa 175, tờ bản đồ số 01 diện tích 368m^2(trong đó 200m^2 đất ở và 168m^2 đất vườn) chủ sử dụng Nguyễn Văn Giá; Thửa 173, tờ bản đồ số 01 diện tích 360m^2(trong đó 200m^2 đất ở và 160m^2 đất vườn) chủ sử dụng Nguyễn Văn Đông.

Đất của gia đình ông TVT5 được thể hiện tại thửa 176, tờ bản đồ số 01, diện tích 548m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 348m^2 đất vườn) chủ sử dụng TVT5. Thửa

177, tờ bản đồ số 01, diện tích 555m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 355m^2 đất vườn) chủ sử dụng Nguyễn Thị Tý.

Tại sổ mục kê tạm thời năm 2007 đất của nhà ông NXD1 thể hiện tại thửa 189, tờ bản đồ 41, diện tích 339,1m^2 đất ở nông thôn, chủ sử dụng là bà NTN22 – ông D1. Đất của nhà ông TVT5 thể hiện thửa 218, tờ bản đồ 41, diện tích 583,3m^2 đất ở nông thôn chủ sử dụng hộ ông TVT5. Tại thửa 164, tờ bản đồ số 42, diện tích 476,2m^2 đất ở nông thôn, tên chủ sử dụng TVT17.

Qua số liệu đo vẽ hiện trạng hồ sơ kỹ thuật thửa đất, kết quả số hóa bản đồ đo đạc năm 1986. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất gia đình ông D1 tranh chấp với gia đình ông T5 là 8m^2 (theo chỉ giới L,S,T,U,L trên sơ đồ) nằm hoàn toàn trên đất nhà ông T5, thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T5. Kết quả số hóa bản đồ đo đạc năm 2006. Phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 8m^2 (theo chỉ giới L,S,T,U,L) nằm trong diện tích đất của nhà ông NXD1 và đã được UBND huyện ML4 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà ông D1.

Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất tranh chấp theo bản đồ đo đạc năm 1986, nằm hoàn toàn trong diện tích đất của gia đình ông TVT5, theo bản đồ đo đạc năm 2006, phần diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn trên diện tích đất nhà ông NXD1. Tuy nhiên, về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông D1 và gia đình ông T5 đều của ông cha để lại, đất không có sự biến động về mua bán chuyển nhượng gì. Theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NXD1 do UBND huyện ML4 cung cấp thì không có Biên bản kiểm tra hiện trạng đất đang sử dụng, diện tích đất là do đương sự tự kê khai nên diện tích không chính xác.

Do vậy căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông T5. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông D1 đối với gia đình ông T5 và kiến nghị với UBND huyện ML4 để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông NXD1. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

[2.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/11/2021, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xác minh và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với diện tích đất tranh chấp nên đã tạm ngừng phiên tòa. Tại Biên bản xác minh ngày 18/11/2021 UBND xã Liên Mạc, huyện ML4, thành phố Hà Nội cung cấp: UBND xã vẫn giữ nguyên tài liệu, quan điểm trước đây đã cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện ML4, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo pháp luật về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông NXD1 đối với ông Tạ Văn Trọng.

Sở dĩ có việc thay đổi về hình thửa giữa bản đồ năm 1986 và năm 2006 là do các hộ tự thay đổi trong quá trình sử dụng.

Theo bản đồ năm 2006 thể hiện hiện trạng thực tế các hộ sử dụng trong năm 2006.

Về xác định nguồn gốc, ranh giới, diện tích, UBND xã căn cứ vào bản đồ năm 1986.

Việc nhà ông D1 được cấp GCNQSD đất năm 2011 là dựa trên cơ sở thực tế sử dụng đất của hộ ông D1.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông D1 và ông T5, UBND xã đã tiến hành xem xét về nguồn gốc về ranh giới thực tế cũng như căn cứ trên bản đồ năm 1986 thì có thể xác định hộ ông T5 không lấn sang diện tích đất mà ông D1 đang tranh chấp đối với hộ ông T5.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2021 và kết qủa lồng ghép bản đồ năm 1986 và hiện trạng sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần diện tích đất ông D1 tranh chấp với gia đình ông T5 là 8,1m^2 (giới hạn bởi các điểm L,S,T,U,L trên sơ đồ) theo bản đồ năm 1986 nằm hoàn toàn trên đất nhà ông T5.

Như vậy, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông NXD1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ML4.

[2.3]. Về nội dung ông D1 kháng cáo yêu cầu Nhà nước thu hồi lại phần đất bị lấn chiếm sau nhiều năm không thu được thuế không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên không có căn cứ để xem xét.

Về án phí dân sự: Đơn khởi kiện và kháng cáo của ông NXD1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Xác nhận ông NXD1 đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông D1 tiền tạm ứng án phí đã thu.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 97, Điều 100, Điều 170, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân huyện ML4, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NXD1 đối với ông TVT5 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Kiến nghị UBND huyện ML4, thành phố Hà Nội điều chỉnh diện tích 8,1m^2 đất theo chỉ giới L,S,T,U,L thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông

TVT5. Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BI 463336, số vào sổ cấp GCN: CH00751 ngày 30/12/2011 mang tên hộ ông NXD1, tại địa chỉ: thôn BM2, xã LM3, huyện ML4, thành phố Hà Nội. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí dân sự: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông NXD1. Hoàn trả ông D1 số tiền 700.000đ *(bảy trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016784 ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML4, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tiến Dũng

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện ML4;
- Chi cục THADS huyện ML4;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.